

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021



Tháng 8 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 28

010
C
KI
4N

N: C
CC
CC
V.
PH
DL
HP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021)
Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021)
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2021)
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021)
Bà Trịnh Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính giữa niên độ theo Giấy ủy quyền số 33/TASA-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị,



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

85,
31
TH
TO
CI
51

179
TY
AN
AI
3TH
HA
HAI

Số: 361 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy, không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Văn Phòng Hồ Chí Minh
Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng Hải Phòng
Manhattan số 05-04, khu Vinhomes Imperia
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		246.375.334.475	74.658.384.189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.451.366.633	56.020.370.348
1. Tiền	111		14.451.366.633	5.020.370.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	51.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	31.057.440.900	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		31.057.440.900	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.513.416.043	18.223.007.933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.107.115.843	1.635.912.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	70.179.354.000	79.427.371
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	123.226.946.200	16.507.668.014
IV. Hàng tồn kho	140		50.233.500	-
1. Hàng tồn kho	141		50.233.500	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		302.877.399	415.005.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	302.877.399	415.005.908
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.482.146.254	175.999.607.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.085.000.000	8.892.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	8.800.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	20.085.000.000	92.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.030.317.015	1.092.760.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.030.317.015	1.092.760.467
- Nguyên giá	222		1.323.944.547	9.328.713.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(293.627.532)	(8.235.953.397)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	-	165.591.640.789
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	167.096.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.504.479.285)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		366.829.239	423.206.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	366.829.239	423.206.328
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		267.857.480.729	250.657.991.773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.129.761.183	4.225.304.674
I. Nợ ngắn hạn	310		10.054.761.183	4.147.304.674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.442.362.818	1.038.579.164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	49.355
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.364.546.090	108.968.894
4. Phải trả người lao động	314		281.541.800	220.494.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		519.919.200	592.041.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		22.500.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.151.478.168	2.017.010.594
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		272.413.107	170.160.767
II. Nợ dài hạn	330		75.000.000	78.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	75.000.000	78.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		257.727.719.546	246.432.687.099
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	257.727.719.546	246.432.687.099
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.095.490.500)	(22.095.490.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		944.565.060	875.146.852
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	108.532.185
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.996.285.486	70.662.139.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		70.106.183.921	60.635.006.221
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.890.101.565	10.027.132.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		267.857.480.729	250.657.991.773



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	23.537.545.573	13.030.672.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		23.537.545.573	13.030.672.434
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	20.189.307.364	10.612.693.779
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.348.238.209	2.417.978.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	10.508.724.282	8.739.653.354
7. Chi phí tài chính	22	21	(1.504.357.620)	(84.745.128)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.152.657.385	2.377.747.694
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	30		12.208.662.726	8.864.629.443
10. Thu nhập khác	31	23	875.060.416	-
11. Chi phí khác	32		3.370	-
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		875.057.046	-
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.083.719.772	8.864.629.443
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.193.618.207	455.815.251
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.890.101.565	8.408.814.192
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	711	503



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.083.719.772	8.864.629.443
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	62.443.452	91.815.156
- Các khoản dự phòng	03	(1.504.479.285)	(87.843.843)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	78.165	3.098.715
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.383.680.782)	(8.737.016.056)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	258.081.322	134.683.415
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(142.448.686.897)	(6.987.451.611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(50.233.500)	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.108.486.254	(4.083.726.817)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	168.505.598	(115.648.036)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(31.057.440.900)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75.878.166)	(311.813.935)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.364.090	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.293.141.532)	(201.054.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(169.381.943.731)	(11.565.010.984)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(70.160.904.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	875.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.800.000.000	3.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)	(3.110.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	208.247.444.563	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.119.724.918	15.407.923.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	127.881.265.481	12.997.923.338
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.247.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.247.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(41.568.925.550)	1.432.912.354
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.020.370.348	11.162.131.062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(78.165)	(3.098.715)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	14.431.366.633	12.591.944.701




Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng




Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 5 năm 2018.

Công ty có trụ sở tại: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container; Cho thuê xe có động cơ.

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bãi, dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý các công ty con, chi tiết như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá chuyển nhượng	Ngày thanh lý
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	60.990.000.000	31/05/2021
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	86.800.000.000	21/05/2021
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	TP. Hải Phòng	32.867.444.563	21/05/2021
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	TP. Hải Phòng	14.510.000.000	07/06/2021
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	6.500.000.000	21/05/2021
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	2.520.000.000	09/06/2021
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	1.000.000.000	09/06/2021
Công ty TNHH Fujiare Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	3.060.000.000	09/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty không còn công ty con do đã thoái toàn bộ vốn tại các công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 8 công ty con). Công ty có 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các chính sách kế toán của Công ty.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty con đến ngày 31 tháng 5 năm 2021;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải: Công ty con đến ngày 21 tháng 5 năm 2021;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty con đến ngày 21 tháng 5 năm 2021;
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty con đến ngày 07 tháng 6 năm 2021;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ: Công ty con đến ngày 21 tháng 5 năm 2021;
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty con đến ngày 09 tháng 6 năm 2021;
- Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải: Công ty con đến ngày 09 tháng 6 năm 2021;
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam: Công ty con đến ngày 09 tháng 6 năm 2021;
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

- Các cổ đông lớn:
 - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (không còn là cổ đông lớn từ ngày 28 tháng 5 năm 2021);
 - Công ty Cổ phần Hàng hải Macs (không còn là cổ đông lớn từ ngày 19 tháng 3 năm 2021);
 - Công ty Cổ phần HQ Investment Group "HQ Investment" (trở thành cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021, không còn là cổ đông lớn từ ngày 04 tháng 8 năm 2021);
 - Ông Nguyễn Thành Lê (không còn là cổ đông lớn từ ngày 24 tháng 3 năm 2021);
 - Ông Lê Hồng Ngọc (trở thành cổ đông lớn từ ngày 10 tháng 5 năm 2021, không còn là cổ đông lớn từ ngày 09 tháng 7 năm 2021);
 - Ông Phạm Duy Như Quỳnh (trở thành cổ đông lớn từ ngày 28 tháng 5 năm 2021).
- Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận: Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	529.084.756	1.099.146.686
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.922.281.877	3.921.223.662
Các khoản tương đương tiền (i)	-	51.000.000.000
Cộng	<u>14.451.366.633</u>	<u>56.020.370.348</u>

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý (i)</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý (i)</u>	<u>Dự phòng</u>
			VND			VND
Chứng khoán kinh doanh	31.057.440.900	33.303.470.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (DGT)	19.911.884.280	21.669.620.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát (HTP)	11.145.556.620	11.633.850.000	-	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	<u>7.107.115.843</u>	<u>1.635.912.548</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	5.838.634.490	-
Công ty TNHH TJP Vina	219.385.958	404.666.589
Các đối tượng khác	1.049.095.395	1.231.245.959
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan	-	195.854.593

(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trả trước cho người bán	70.179.354.000	79.427.371
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận - Bên liên quan (i)	70.160.904.000	-
Các đối tượng khác	18.450.000	79.427.371

Ghi chú:

- (i) Đây là số thanh toán 90% giá trị Hợp đồng số 01/2021/HĐTĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2021, ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận về việc thuê lại quyền sử dụng 76.500 m² đất tại Lô CN - 1.1, Khu Công nghiệp Tuy Phong, xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận để xây dựng nhà xưởng với ngành nghề: kho bãi, kho chứa hàng hóa, hóa chất, dịch vụ logistics. Thời hạn thuê: 42 năm (đến ngày 31 tháng 12 năm 2063).

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	123.226.946.200	-	16.507.668.014	-
Tạm ứng	37.864.000	-	1.870.189.500	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	90.260.274	-
Phải thu lãi vay ngắn hạn	-	-	40.701.370	-
Phải thu về vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh	120.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại TTRICE (i)	60.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát (ii)	60.000.000.000	-	-	-
Phải thu lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	1.620.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại TTRICE (i)	720.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát (ii)	900.000.000	-	-	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	10.195.447.870	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	-	4.351.701.893	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-	4.620.017.747	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-	387.065.713	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	-	836.662.517	-
Các khoản phải thu khác	1.559.082.200	-	4.301.069.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.468.247.000	-	4.267.340.000	-
Các khoản phải thu khác	90.835.200	-	33.729.000	-
b) Dài hạn	20.085.000.000	-	92.000.000	-
Tạm ứng	10.000.000	-	17.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	75.000.000	-
Phải thu về vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh	20.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú (iii)	20.000.000.000	-	-	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)			14.503.489.240	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 036/2021/HTKD/TCO-TTRICE ngày 03 tháng 6 năm 2021 được ký giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại TTRICE “TTRICE”.

- Mục đích: Phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại TTRICE - Đây là doanh nghiệp về thi công xây dựng, kinh doanh nông sản, có nhu cầu tìm kiếm nguồn vốn và đối tác có năng lực về các dịch vụ liên quan đến logistics, kho bãi để cùng hợp tác đầu tư, thi công hoặc/và nhận chuyển nhượng Nhà máy xay xát và kho dự trữ lương thực (Dự án hợp tác) tại Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Trung, huyện Phú Tân, An Giang cùng Công ty Cổ phần Gavi.
- Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 03 tháng 6 năm 2021 đến ngày 02 tháng 12 năm 2021.
- Lợi nhuận hợp tác: 720.000.000 VND/tháng, lợi nhuận sẽ được thanh toán tại ngày kết thúc hợp đồng.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2021/HTKD/TCO-HPC ngày 26 tháng 5 năm 2021 được ký giữa Công ty và Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát.

- Mục đích: Phát triển các dự án của Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát - Pháp nhân tổng thầu xây dựng thi công dự án Khu dân cư cao cấp ven biển Lạc Việt và triển khai các dự án bất động sản khác tại Long An, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời hạn hợp tác: Từ ngày 26 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 10 năm 2021.
- Lợi nhuận hợp tác: 900.000.000 VND/tháng, lợi nhuận sẽ được thanh toán tại ngày kết thúc hợp đồng.

(iii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 076/2021/HTĐT/HP-TCO ngày 07 tháng 6 năm 2021, ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú.

- Mục đích: Hợp tác đầu tư dự án Tòa nhà văn phòng - trung tâm điều hành logistics khu vực Tây Nguyên tại khu đất có diện tích 2,425 m2 tại phường Tân Lập, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú chịu trách nhiệm đầu tư thi công xây dựng các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án.
Công ty góp vốn chịu trách nhiệm vận hành, độc quyền khai thác các sản phẩm hai bên hợp tác, độc quyền khai thác mặt bằng văn phòng, trung tâm điều phối logistics.
- Thời gian hợp tác: 36 tháng kể từ khi dự án đủ điều kiện khai thác vận hành cho thuê. Sau thời gian 36 tháng, Công ty sẽ bàn giao lại toàn bộ quyền độc quyền khai thác các sản phẩm của dự án cho Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú.
- Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ mỗi bên 50% (năm mươi phần trăm).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	302.877.399	415.005.908
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	173.200.000	383.333.333
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.677.399	31.672.575
b) Dài hạn	366.829.239	423.206.328
- Chi phí cài tạo văn phòng	290.813.853	333.371.979
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	16.324.617	5.370.249
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	59.690.769	84.464.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***10. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	31.348.182	9.253.638.408	43.727.274	9.328.713.864
Thanh lý tài sản cố định	-	(8.004.769.317)	-	(8.004.769.317)
Số cuối kỳ	31.348.182	1.248.869.091	43.727.274	1.323.944.547
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	31.348.182	8.160.877.941	43.727.274	8.235.953.397
Khấu hao trong kỳ	-	62.443.452	-	62.443.452
Thanh lý tài sản cố định	-	(8.004.769.317)	-	(8.004.769.317)
Số cuối kỳ	31.348.182	218.552.076	43.727.274	293.627.532
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu kỳ	-	1.092.760.467	-	1.092.760.467
Số cuối kỳ	-	1.030.317.015	-	1.030.317.015

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 75.075.456 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.079.844.762 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con	-	-	-	167.096.120.074	(1.504.479.285)	-
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	-	-	-	60.990.000.000	(146.908.066)	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (iii)	-	-	-	45.655.576.172	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải (iv)	-	-	-	32.867.444.563	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải (v)	-	-	-	14.503.099.339	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ (vi)	-	-	-	6.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (vii)	-	-	-	2.520.000.000	(1.356.541.475)	(i)
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (viii)	-	-	-	1.000.000.000	(1.029.744)	(i)
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam (ix)	-	-	-	3.060.000.000	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 99,947% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Container Minh Thành, với tổng giá chuyển nhượng là 60,99 tỷ VND.
- (iii) Trong kỳ, Công ty đã góp bổ sung 40 tỷ VND tăng vốn điều lệ và sau đó đã chuyển nhượng 99,89% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 86,8 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 1.144.423.828 VND đã được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.
- (iv) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 99% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 32,867 tỷ VND.
- (v) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 99,35% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 14,51 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 6.900.661 VND đã được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.
- (vi) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ, với tổng giá chuyển nhượng là 6,5 tỷ VND.
- (vii) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội, với tổng giá chuyển nhượng là 2,25 tỷ VND.
- (viii) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 1 tỷ VND.
- (ix) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 51% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam, với tổng giá chuyển nhượng là 3,06 tỷ VND.

Sau chuyển nhượng, Công ty không còn sở hữu vốn góp tại các Công ty trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	6.442.362.818	6.442.362.818	1.038.579.164	1.038.579.164
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.023.816.208	1.023.816.208	737.074.224	737.074.224
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Phát	1.008.590.000	1.008.590.000	-	-
Công ty TNHH DV TM Vận tải Container Giang Sơn	775.500.000	775.500.000	-	-
Các đối tượng khác	3.634.456.610	3.634.456.610	301.504.940	301.504.940
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	-	-	35.000.000	35.000.000

Các khoản nợ trên đều là nợ trong hạn và có khả năng trả nợ.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	88.010.001	602.108.953	467.231.317	222.887.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.277.333	1.193.618.207	75.878.166	1.123.017.374
Thuế thu nhập cá nhân	15.681.560	42.442.684	39.483.165	18.641.079
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	108.968.894	1.843.169.844	587.592.648	1.364.546.090

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.151.478.168	2.017.010.594
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	542.186.700	610.434.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con	436.185.838	791.960.664
Các khoản phải trả khác	9.668.230	14.615.930
Các khoản phải trả phải nộp khác	163.437.400	600.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	163.437.400	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	600.000.000
b) Dài hạn	75.000.000	78.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	75.000.000	78.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	25.000.000	25.000.000
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	35.000.000	35.000.000
- Các đối tượng khác	15.000.000	18.000.000
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	-	660.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	825.550.013	70.539.052	67.644.443.703	243.327.401.768
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	18.391.170.841	18.391.170.841
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.596.839	49.596.839	(15.204.058.917)	(15.104.865.239)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	306.186.294	-	306.186.294
Giảm khác	-	-	-	-	(317.790.000)	(169.416.565)	(487.206.565)
Số dư đầu kỳ này	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	875.146.852	108.532.185	70.662.139.062	246.432.687.099
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	11.890.101.565	11.890.101.565
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	69.418.208	69.418.208	(364.594.141)	(225.757.725)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	320.129.901	-	320.129.901
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(498.080.294)	(191.361.000)	(689.441.294)
Số dư cuối kỳ này	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	944.565.060	-	81.996.285.486	257.727.719.546

Ghi chú:

(i) Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích lợi nhuận trả cổ đông không kiểm soát	121.624.738
Quỹ khen thưởng phúc lợi	104.132.987
Quỹ đầu tư phát triển	69.418.208
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	69.418.208
	364.594.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.982.924	1.982.924
+ Cổ phiếu phổ thông	1.982.924	1.982.924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.728.076	16.728.076
+ Cổ phiếu phổ thông	16.728.076	16.728.076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	187.110.000.000	187.110.000.000
Cổ phiếu quỹ	(19.829.240.000)	(19.829.240.000)

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
USD	1.387,19	1.400,39

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.537.545.573	13.030.672.434
Doanh thu bãi	8.649.108.427	7.276.998.599
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	8.627.947.174	4.636.296.906
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	5.774.400.160	1.071.207.272
Doanh thu thương mại, dịch vụ khác	486.089.812	46.169.657
Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	5.766.532.463	423.388.131

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020</u>
	VND	VND
Giá vốn bãi	7.577.290.992	6.554.970.457
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	7.094.159.094	3.293.547.871
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	5.122.327.119	764.175.451
Giá vốn dịch vụ khác	395.530.159	-
Cộng	20.189.307.364	10.612.693.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.484.686.694	1.218.648.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.443.452	91.815.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.631.513.203	11.561.005.719
Chi phí khác bằng tiền	163.321.400	118.971.600
Cộng	23.341.964.749	12.990.441.473

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	10.508.724.282	8.739.653.354
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.115.628.737	6.585.553.188
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.241.727.556	2.151.462.868
Lãi thanh lý công ty con	1.151.324.489	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.500	2.637.298
Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	134.126.027	260.197.259

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	121.665	3.098.715
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	(1.504.479.285)	(87.843.843)
Cộng	(1.504.357.620)	(84.745.128)

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.484.686.694	1.229.407.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.443.452	91.815.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.439.205.839	866.252.423
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	163.321.400	187.272.515
Cộng	3.152.657.385	2.377.747.694

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020
	VND	VND
Thu nhập khác	875.060.416	-
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	875.000.000	-
Thu nhập khác	60.416	-
Trong đó: thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	875.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2021</u> <u>đến ngày 30/6/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020</u> <u>đến ngày 30/6/2020</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.083.719.772	8.864.629.443
Điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế (i)	(7.115.628.737)	(6.585.553.188)
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	(7.115.628.737)	(6.585.553.188)
Thu nhập chịu thuế	5.968.091.035	2.279.076.255
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.193.618.207	455.815.251
Tổng CP thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ	1.193.618.207	455.815.251

Ghi chú:

- (i) Ngoài khoản thu nhập không chịu thuế với số tiền 7.115.628.737 VND, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2021</u> <u>đến ngày 30/6/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020</u> <u>đến ngày 30/6/2020</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.890.101.565	8.408.814.192
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.890.101.565	8.408.814.192
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	16.728.076	16.728.076
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	711	503
Mệnh giá trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, do trong kỳ, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 (Công ty không xác định chính xác số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của 6 tháng đầu năm 2020).

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ bãi, dịch vụ cước biển. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020</u>
	VND	VND
Ghi nhận vào chi phí trong kỳ	463.333.333	-
Cộng	463.333.333	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	960.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.800.000.000	-
Cộng	3.760.000.000	-

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê nhà tại số 416 Xã Đàn, thành phố Hà Nội với giá thuê 80.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê nhà được ký với thời hạn từ ngày 20 tháng 11 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2025.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(14.451.366.633)	(56.020.370.348)
Vốn chủ sở hữu	257.727.719.546	246.432.687.099
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	14.451.366.633	56.020.370.348	14.451.366.633	56.020.370.348
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.419.062.043	27.035.580.562	150.419.062.043	27.035.580.562
Đầu tư tài chính dài hạn	-	165.591.640.789	-	165.591.640.789
Các khoản ký quỹ	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000
Tổng cộng	196.002.869.576	248.722.591.699	196.002.869.576	248.722.591.699
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.668.840.986	3.133.589.758	7.668.840.986	3.133.589.758
Chi phí phải trả	519.919.200	592.041.000	519.919.200	592.041.000
Tổng cộng	8.188.760.186	3.725.630.758	8.188.760.186	3.725.630.758

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.451.366.633	-	14.451.366.633
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.334.062.043	20.085.000.000	150.419.062.043
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Các khoản ký quỹ	-	75.000.000	75.000.000
Tổng cộng	175.842.869.576	20.160.000.000	196.002.869.576
Tại ngày cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.593.840.986	75.000.000	7.668.840.986
Chi phí phải trả	519.919.200	-	519.919.200
Tổng cộng	8.113.760.186	75.000.000	8.188.760.186
Chênh lệch thanh khoản thuần	167.729.109.390	20.085.000.000	187.814.109.390
Tại ngày đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.020.370.348	-	56.020.370.348
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.143.580.562	8.892.000.000	27.035.580.562
Đầu tư tài chính dài hạn	-	165.591.640.789	165.591.640.789
Các khoản ký quỹ	-	75.000.000	75.000.000
Tổng cộng	74.163.950.910	174.558.640.789	248.722.591.699
Tại ngày đầu kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.055.589.758	78.000.000	3.133.589.758
Chi phí phải trả	592.041.000	-	592.041.000
Tổng cộng	3.647.630.758	78.000.000	3.725.630.758
Chênh lệch thanh khoản thuần	70.516.320.152	174.480.640.789	244.996.960.941

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 7, Công ty có các số dư chủ yếu với bên liên quan như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	195.854.593
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	24.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	66.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	41.854.593
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	64.000.000
Phải thu khác	14.503.489.240
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.308.041.370
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	40.701.370
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	4.267.340.000
Các khoản phải thu lợi nhuận	10.195.447.870
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.351.701.893
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.620.017.747
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	387.065.713
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	836.662.517
Phải thu về cho vay dài hạn	8.800.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	8.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND
Phải trả khác	660.000.000
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>600.000.000</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	600.000.000
<i>Các khoản phải trả dài hạn khác</i>	<i>60.000.000</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	25.000.000
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	35.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	4.634.854.224
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	737.074.224
Công ty TNHH Container Minh Thành	87.780.000

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 16 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Thuyết minh số 20 - Doanh thu hoạt động tài chính, và Thuyết minh số 23 - Thu nhập khác, giao dịch chủ yếu với các bên liên quan của Công ty cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021</u>	<u>Trong đó phát sinh từ ngày thoái vốn đến ngày 30/06/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</u>
	VND	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.931.780.737	930.742.008	4.377.234.704
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-	2.450.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	4.660.930.737	930.742.008	3.776.180.159
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	-	48.954.545
Công ty TNHH Container Minh Thành	270.850.000	-	549.650.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.766.532.463	5.160.107.298	423.388.131
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	181.743.823	2.509.775	240.181.640
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	5.115.234.027	5.099.838.361	20.788.595
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	69.515.698	2.759.162	120.475.240
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	42.538.915	-	24.700.256
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	97.500.000	15.000.000	17.242.400
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	260.000.000	40.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính	134.126.027	-	260.197.259
Công ty TNHH Container Minh Thành	134.126.027	-	155.967.122
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	-	104.230.137
Thu nhập khác - Thanh lý tài sản cố định	875.000.000	875.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	875.000.000	875.000.000	-
Góp vốn	-	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	-	-	1.000.000.000
Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	-	3.060.000.000
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	-	-	3.060.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.115.628.737	-	6.585.553.188
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.749.348.232	-	1.650.786.559
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	185.465.664	-	275.038.165
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	2.859.017.441	-	614.166.155
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.166.225.335	-	4.045.562.309
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	155.572.065	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
		đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
		VND	VND
Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	53.000.000	51.000.000
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	2.953.846	-
Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	2.953.846	-
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến ngày 29/3/2021	115.000.000	158.000.000
Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị	240.943.000	243.254.000
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	18.200.000	16.200.000
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đến ngày 05/3/2021	9.662.000	14.400.000
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 31/5/2021	158.324.634	178.854.876
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 29/3/2021	98.219.000	123.641.000
Ông Phạm Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Cộng		699.256.326	785.349.876

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 26 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐQT thông qua việc bán cổ phiếu quỹ của Công ty để bổ sung dòng tiền thực hiện các kế hoạch đầu tư và phát triển kinh doanh năm 2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện giao dịch này.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐQT thông qua triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 01 năm 2021 về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng

Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc